

Số: /GPMT-BQL

Gia Lai, ngày tháng 8 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Gia Lai về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai;

Xét Văn bản số 13.KT/2025/VBĐN ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Công ty TNHH Kỹ nghệ Kingston Việt Nam về việc đề nghị phê duyệt báo cáo và đề xuất cấp Giấy phép môi trường đối với dự án Nhà máy chế biến các sản phẩm đan nhựa giả mây và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Kỹ nghệ Kingston Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Lô B8, đường Trung tâm, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Nhà máy chế biến các sản phẩm đan nhựa giả mây với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy chế biến các sản phẩm đan nhựa giả mây.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C12, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai).

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, mã số 4101155695 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định (nay là Sở Tài chính tỉnh Gia Lai) cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 20/12/2023.

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 167/QĐ-BQL ngày 10/5/2024 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai) cấp.

- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất số 88/QĐ-BQL ngày 29/7/2025 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai cấp.

1.4. Mã số thuế: 4101155695.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm đan nhựa giả mây và gia công cơ khí.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích đất: 17.563,7 m².

- Dự án có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

- Công suất:

+ Đan nhựa giả mây: 50.000 bộ sản phẩm/năm.

+ Gia công cơ khí phục vụ đan nhựa giả mây (có công đoạn phun phủ sơn): 600 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình gia công cơ khí và đan nhựa giả mây: Nguyên liệu (ống thép mạ kẽm, nhôm hộp) → Cắt định hình → Hàn thành khung → Mài → Làm sạch bề mặt kim loại (*) → Sơn tĩnh điện → Sấy → Khung kim loại thành phẩm → Đan thủ công dây nhựa vào khung → KCS Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho.

+ Quy trình làm sạch bề mặt kim loại (*):

++ Khung kim loại thép mạ kẽm → Tẩy dầu mỡ → Rửa nước 1 → Tẩy rỉ → Rửa nước 2 → Định hình → Bể phốt phát → Rửa nước 3 → Sản phẩm khung kim loại đã xử lý bề mặt.

++ Khung kim loại nhôm → Tẩy dầu mỡ → Rửa nước 1 → Cromate → Rửa nước 2 → Sản phẩm khung kim loại đã xử lý bề mặt.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Kỹ nghệ Kingston Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Kỹ nghệ Kingston Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để các chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc đầu nối nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế và UBND phường Quy Nhơn Tây nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu kinh tế để được xem xét, giải quyết.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 13 tháng 8 năm 2035).

Điều 4. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường căn cứ chức năng nhiệm vụ

vụ được giao, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Quy Nhơn Tây;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công ty TNHH Kỹ nghệ Kingston Việt Nam;
- Công ty Cổ phần ĐTXD Bình Định;
- Lãnh đạo Ban;
- VP Ban (để công khai trên cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý KKT);
- Các Phòng: QLĐT, QLQH XD, QLDN;
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường vì nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án được thu gom xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Tài theo Hợp đồng thu gom, xử lý nước thải đã ký giữa Chủ dự án với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định; nước thải sản xuất (phát sinh từ quá trình thay nước hoặc vệ sinh định kỳ 05 bể chứa nước tẩy rửa khung kim loại) thuộc nhóm chất thải lỏng phải kiểm soát được thu gom, chuyển giao đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định, không xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà văn phòng, nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn chống thấm, sau đó tự chảy theo đường ống PVC Ø250mm cùng với nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh khác từ các lavabo đầu nối vào hố ga của hệ thống thu gom nước thải tập trung Khu công nghiệp.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình thay nước hoặc vệ sinh định kỳ 05 bể chứa nước tẩy rửa khung kim loại được lưu chứa trực tiếp ngay tại 05 bể chứa nước bố trí trong xưởng sản xuất, không bố trí mạng lưới thu gom.

* Vị trí hố ga đầu nối nước thải có tọa độ: X= 1.522.194; Y= 596.701 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108°15', múi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải (bể tự hoại):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà văn phòng và nhà vệ sinh → Bể tự hoại 03 ngăn (Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc) → Hố ga đầu nối trên đường ống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Công suất thiết kế: 02 bể tại khu nhà văn phòng và nhà vệ sinh có dung tích 10,5 m³/bể.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, duy tu, bảo dưỡng các công trình thu gom, xử lý nước thải, không để xảy ra tình trạng xuống cấp, hư hỏng dẫn đến

nguy cơ để nước thải chưa xử lý thoát ra ngoài môi trường.

- Định kỳ nạo vét các hố ga trên đường ống thoát nước thải, hút bùn bể tự hoại và nạo vét cặn tại các bể chứa nước thải sản xuất để đảm bảo hiệu quả thu gom, lưu chứa và xử lý sơ bộ nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý sơ bộ nước thải của dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa và đúng theo quy hoạch được phê duyệt.

3.2. Đảm bảo toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt được thu gom, đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp và chất lượng nước thải trước khi đầu nối đạt tiêu chuẩn đầu nối theo nội dung thỏa thuận thống nhất với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định.

3.3. Thực hiện lưu chứa, quản lý và chuyển giao nguồn nước thải sản xuất theo đúng yêu cầu về quản lý chất thải lỏng phải kiểm soát quy định tại phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường này.

3.4. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường.

Phụ lục 02**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI (BỤI)

1. Nguồn phát sinh khí thải (bụi): Hệ thống phun sơn tĩnh điện.

2. Dòng khí thải (bụi), vị trí xả khí thải (bụi):

2.1. Vị trí xả khí thải (bụi): Tại miệng ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi khu vực phun sơn tĩnh điện, tọa độ: $X = 1.530.065$; $Y = 587.108$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải (bụi) lớn nhất: $40.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải (bụi): Xả liên tục theo thời gian hoạt động sản xuất của dự án.

2.2.2. Chất lượng khí thải (bụi) trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, $K_p = 0,9$, $K_v = 1,0$, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	Bụi tổng	mg/Nm^3	180	Không	Không thuộc đối tượng
02	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{giờ}$	(*)		

Ghi chú:

- (*): Giá trị giới hạn cho phép đối với lưu lượng xả khí thải (bụi sơn) là giá trị lưu lượng xả lớn nhất quy định tại mục 2.2 phần A phụ lục này.

- Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (BỤI)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải (bụi):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải (bụi) từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

Bụi phát sinh từ hệ thống phun sơn tĩnh điện được thu gom vào hệ thống xử lý bằng đường ống thép, đường kính Ø300mm thông qua quạt hút có công suất 40HP.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải (bụi):

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Bụi thải từ phòng sơn tự động → Hệ thống Cyclone lọc bụi → Hệ thống Filter lọc bụi → Ống thoát → Thoát ra môi trường.

+ Bụi thải từ phòng sơn tay (sơn dặm) → Hệ thống Filter lọc bụi → Ống thoát → Thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 40.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất; sử dụng 18 filter lọc bụi chất liệu polyester.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến khí thải (bụi sơn) theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quạt, đường ống thu gom và thiết bị xử lý khí thải (bụi sơn) của dự án để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý bụi sơn đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải (bụi sơn) theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyển giao.

- Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố xảy ra liên quan đến hoạt động phát sinh khí thải (bụi sơn), Chủ dự án phải tạm dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, xác định nguyên nhân, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Sau khi hoàn thành việc khắc phục sự cố, bảo đảm an toàn khi vận hành và hệ thống thu gom, xử lý khí thải (bụi sơn) hoạt động đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định thì mới được hoạt động trở lại công đoạn sản xuất có phát sinh khí thải (bụi sơn).

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và phải đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý khí thải (bụi) theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải (bụi) phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ hệ thống phun sơn tĩnh điện.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ lấy mẫu trên ống thoát của hệ thống xử lý khí thải (bụi).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ

Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải (bụi sơn) phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý khí thải (bụi sơn) đảm bảo không để khí thải (bụi sơn) phát tán ra môi trường làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí trong và ngoài phạm vi dự án. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các hệ thống xử lý và kịp thời có phương án sửa chữa, thay thế khi có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý khí thải (bụi sơn); Đảm bảo ống thoát của hệ thống xử lý khí thải (bụi sơn) phải có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải với đường kính hoặc độ rộng theo quy định, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu (Vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

3.4. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Khoản 13, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ khi triển khai thực hiện việc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải (bụi sơn) như: thời gian thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, thời gian lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm; ghi sổ nhật ký vận hành thử nghiệm,....

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin trong suốt quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải (bụi sơn).

3.6. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải (bụi sơn) không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 03
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-T-BQL ngày tháng 8 năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực bố trí công đoạn cắt kim loại.
- Nguồn số 2: Khu vực bố trí công đoạn hàn, mài.
- Nguồn số 3: Khu vực bố trí công đoạn sơn tĩnh điện.

2. Tiếng ồn và độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 04:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 8 năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	03	16 01 06
02	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	20	17 02 03
03	Các loại pin, ắc quy chì thải	05	19 06 01
04	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	05	16 01 13
05	Cặn lắng tại các bể chứa hóa chất làm sạch bề mặt kim loại	80	07 01 05
06	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	15	07 03 05
Tổng cộng		128	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát (thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT):

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải
01	Nước thải sản xuất (phát sinh từ quá trình thay nước hoặc vệ sinh định kỳ 05 bể chứa nước tẩy rửa khung kim loại).	59.800	07 01 06
02	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải (can, thùng chứa hóa chất).	50	18 01 03
03	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (bao bì đựng hóa chất).	30	18 01 01
04	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại, filter lọc bụi sơn bị hư hỏng thải bỏ.	200	18 02 01
05	Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại.	40	07 04 02

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải
06	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	50	07 04 01
07	Bụi sơn thu gom từ hệ thống xử lý khí thải	14.900	08 01 01
	Bột sơn nguyên liệu rơi vãi không có giá trị sử dụng và không thu hồi tái sử dụng	50	
	Tổng cộng	75.120	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
01	Mẫu sắt, nhôm vụn, mặt cưa trong quá trình gia công cơ khí.	100
02	Dây nhựa giả mây vụn thải bỏ	60
03	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	20
04	Thùng carton hỏng, dây buộc thải bỏ, cuộn băng keo thải bỏ,...	60
05	Đinh, ghim, ốc vít hỏng	40
	Tổng cộng	280

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: khoảng 2,16 tấn/tháng.

- Chủng loại: chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên của dự án.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH và chất thải rắn thông thường phải kiểm soát:

2.1.1. Khu vực lưu chứa nước thải, cặn lắng phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại:

- Nước thải, cặn lắng phát sinh từ quá trình thay nước hoặc vệ sinh định kỳ 05 bể chứa nước tẩy rửa khung kim loại được lưu chứa trực tiếp ngay tại 05 bể chứa nước bố trí trong xưởng sản xuất (03 bể thuộc quy trình rửa khung kim loại thép mạ kẽm bao gồm bể rửa nước 01, bể rửa nước 02 có dung tích 10,2 m³/bể; bể rửa nước 03 có dung tích 10,9 m³/bể và 02 bể thuộc quy trình rửa khung kim loại nhôm bao gồm bể rửa nước 01 có dung tích 10,2 m³/bể; bể rửa nước 02 có dung tích 10,9 m³/bể; kết cấu xây dựng bằng bê tông chống thấm).

- Cặn lắng phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất được lưu chứa trực tiếp ngay tại 06 bể chứa hóa chất bố trí trong xưởng sản xuất

(04 bể thuộc quy trình làm sạch bề mặt khung kim loại thép mạ kẽm bao gồm bể tẩy dầu, bể tẩy rỉ có dung tích 10,2 m³/bể; bể định hình, bể phốt phát có dung tích 10,9 m³/bể và 02 bể thuộc quy trình làm sạch bề mặt khung kim loại nhôm bao gồm bể tẩy dầu có dung tích 10,2 m³/bể; bể cromate có dung tích 10,9 m³/bể kết cấu xây dựng bằng bê tông chống thấm).

- Bụi sơn

2.1.2. Thiết bị khu vực lưu chứa chất thải nguy hại khác:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại kho chứa chất thải nguy hại để lưu chứa.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho chứa: Xây dựng 01 kho chứa, diện tích 21m², tại vị trí phía Đông Bắc mặt bằng để lưu chứa các loại chất thải nguy hại.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nền bê tông chống thấm, kín khít, không bị thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; rãnh chống tràn đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); bên trong dán mã chất thải và bố trí thùng chuyên dụng để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị bao bì, thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại khu vực sản xuất và kho chứa tập trung để lưu chứa.

2.1.2. Khu vực/kho chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 21m² tại vị trí phía Đông Bắc mặt bằng.

- Kết cấu kho/khu vực lưu chứa: được xây dựng có nền bê tông, mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, rạn nứt; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; tường bao xung quanh không để phát tán chất thải ra môi trường xung quanh hoặc nước mưa xâm nhập từ bên ngoài vào trong kho.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại các khu vực dọc xưởng sản xuất, đường nội bộ, văn phòng làm việc để phân loại, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: không bố trí.

* Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày

28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

3. Hoạt động tự tái sử dụng chất thải

- Loại chất thải tự tái sử dụng: Bụi sơn thu gom từ quá trình xử lý bụi tại công đoạn sơn tĩnh điện.

- Khối lượng bụi sơn thu gom, tự tái sử dụng: 14.900 kg/năm.

- Quy trình tái sử dụng:

+ Bụi sơn sau khi thu hồi tại phễu thu gom bụi của Cyclone → Thu gom tự động bằng đường ống → Dẫn về thùng chứa bột sơn nguyên liệu của hệ thống phun sơn tĩnh điện.

+ Bụi sơn sau khi thu hồi tại ngăn chứa bụi của hệ thống filter lọc bụi → Thu gom thủ công → Đưa về thùng chứa bột sơn nguyên liệu của hệ thống phun sơn tĩnh điện.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

2. Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, Chủ dự án phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các thành phần chất thải và định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Phụ lục 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

1. Công khai Giấy phép môi trường của Dự án trên cổng thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND phường Quy Nhơn Tây trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.
2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
3. Trồng cây xanh trong phạm vi mặt bằng đảm bảo tỷ lệ diện tích theo quy hoạch được duyệt.
4. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của nhà máy; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp, không để phát tán chất thải không đạt quy chuẩn cấp phép ra môi trường.
5. Các loại CTNH phải được phân loại theo mã chất thải để lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa phù hợp; chất thải công nghiệp phải kiểm soát, trường hợp chưa được phân định thì phải thực hiện quản lý như CTNH. Được sử dụng chung thiết bị lưu chứa đối với các mã CTNH có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; thực hiện lưu giữ chứng từ CTNH theo quy định.
6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.
7. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý hoá chất và PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
8. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình hoạt động. Chủ dự án phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra các sự cố môi trường liên quan đến chất thải tại Dự án.
9. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới.